

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2019/DS-PT

Ngày: 22 - 3 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Tấn

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Văn Đen là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 312/2018/TLST-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 170/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm: 1978.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Minh C1, sinh năm: 1965, trú tại: Số 215, Nguyễn Du, khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 17/5/2017) (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Xuân M, sinh năm: 1983.

Anh Trần Văn C2, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: Số 144C, Cao Thắng, khóm 2, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Ngô Đình C3, sinh năm: 1958. Trú tại: Số 142, Phạm Hồng Thám, khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 08/9/2017) (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chế biến xuất nhập khẩu thủy sản T, nay là công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ chế biến xuất nhập khẩu thủy sản N.

Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn C2, là người đại diện hợp pháp theo pháp luật của công ty (Giám đốc

công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ chế biến xuất nhập khẩu thủy sản Nam Thiên Lý) (Vắng mặt).

Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, khóm 6, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Xuân M, Anh Trần Văn C2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị L và đại diện nguyên đơn Lê Minh C1 trình bày: Chị Trần Thị L là đại lý thu mua tôm nguyên liệu bán cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chế biến xuất nhập khẩu thủy sản Trâm Vạn Ngân (Sau đây gọi tắt là công ty) do anh Trần Văn C2 và chị Huỳnh Thị Xuân M làm chủ sở hữu. Do công ty mua hàng của đại lý chị L và một số đại lý khác nhưng không trả tiền cho các đại lý nên chị L và các đại lý có làm đơn yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh Cà Mau xử lý hình sự đối với anh C2 và chị M về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau khi nhận đơn Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cà Mau mời các đại lý (khoảng 15 đại lý) cùng với anh C2, chị M làm việc và hướng dẫn cho anh C2, chị M thỏa thuận, cam kết thanh toán nợ cho các đại lý.

Theo biên bản thỏa thuận trả nợ ngày 04/12/2014, công ty còn nợ chị L số tiền 838.406.685 đồng. Anh C2 và chị M cam kết sau 10 ngày kể từ ngày 04/12/2014, công ty sẽ chi trả cho các đại lý, trong đó có chị L là 50% số tiền nợ, số còn lại công ty sẽ chi trả dứt điểm trong hai tháng tiếp theo, đến ngày 14/02/2015 sẽ thanh toán xong toàn bộ số nợ nhưng đến nay anh C2, chị M chưa thanh toán cho chị L số tiền trên. Nay ông C1 đại diện theo ủy quyền của chị L yêu cầu anh C2 và chị M phải trả cho chị L số tiền 838.406.685 đồng và tính lãi suất chậm trả từ ngày 15/02/2015 đến nay theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, chị L không yêu cầu khoản nào khác.

Bị đơn – chị Huỳnh Thị Xuân Mai, anh Trần Văn C2 và người đại diện theo ủy quyền của anh C2, chị M trình bày: Anh C2 và chị M thừa nhận bằng đối chiếu công nợ ngày 15/11/2014, biên bản thỏa thuận thanh toán tiền cho đại lý ngày 04/12/2014 đúng là do anh C2 và chị M xác nhận, ký tên. Tuy nhiên, anh C2, chị M chỉ xác nhận công nợ còn thực tế số tiền này thì chưa chính xác. Việc giao dịch mua bán được thực hiện giữa ông Nguyễn Hữu Đức là Phó giám đốc công ty với chị Trần Thị L; anh C2, chị M không có giao dịch trực tiếp với chị L. Nay chị L yêu cầu anh C2 và chị M thanh toán số tiền 838.406.685 đồng và tiền lãi suất chậm trả thì anh C2, chị M không đồng ý thanh toán, do anh C2, chị M chưa biết số tiền thực tế anh, chị còn nợ chị L là bao nhiêu. Anh C2, chị M yêu cầu chị L cung cấp toàn bộ hóa đơn, chứng từ, sổ sách liên quan đến giao dịch giữa ông Đức với chị L. Anh C2, chị M sẽ về đối chiếu các hóa đơn, chứng từ, sổ sách tính ra số tiền còn nợ chị L bao nhiêu thì anh, chị đồng ý thanh toán.

Tại phiên tòa, đại diện anh C2, chị M cho rằng nếu xác định có số nợ và buộc trả nợ thì anh C2 và ông Đức phải chịu trách nhiệm cùng trả với công ty chứ không phải trách nhiệm của chị M, vì chị M không giao dịch với chị L và việc ký nhận nợ không thuộc thẩm quyền của chị M.

Tại bản tự khai ngày 06/11/2018, ông Nguyễn Hữu Đức trình bày: Trước đây, ông có ký hợp đồng lao động với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chế biến xuất nhập khẩu thủy sản Trâm Vạn Ngân, mỗi tháng công ty thỏa thuận trả cho ông 10.000.000 đồng, chia lợi nhuận 30% sau báo cáo thuế, ông làm được 45 ngày thì nghỉ do công ty không trả lương cho ông. Sau đó, ông C2, bà M điện thoại năn nỉ kêu ông trở lại làm tiếp thì ông có trở lại làm thêm 07 ngày nhưng công ty vẫn không trả tiền cho ông nên ông nghỉ luôn. Ông biết số nợ công ty nợ bà L là 838.406.685 đồng chưa thanh toán. Theo ông thì trách nhiệm trả nợ thuộc về ông C2 và bà M. Đối với biên bản thỏa thuận thanh toán nợ cho các đại lý và lời khai tại cơ quan điều tra, ông có nhận trách nhiệm trả nợ 30% với điều kiện công ty phải báo cáo thuế rõ ràng nhưng công ty không báo cáo nên ông không có trách nhiệm phải trả nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 170/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau Quyết định:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị L - buộc bị đơn Trần Văn C2 và Huỳnh Thị Xuân Mai có trách nhiệm thanh toán cho chị L tổng số tiền 1.121.159.339đ (*Một tỷ một trăm hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi chín nghìn ba trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó, nợ gốc: 838.406.685đ, nợ lãi: 282.752.654đ.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L về việc yêu cầu công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ chế biến xuất nhập khẩu thủy sản Nam Thiên Lý thanh toán nợ cho chị.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/11/2018 Chị Huỳnh Thị Xuân M và Anh Trần Văn C2 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm với lý do: Chị M không có trách nhiệm trả nợ, ông Nguyễn Hữu Đức phải có trách nhiệm trả nợ. Tại phiên tòa đại diện bị đơn xuất trình các phiếu chi của công ty Trâm Vạn Ngân trả tiền tôm nguyên liệu cho chị L và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự được thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Văn C2 và chị Huỳnh Thị Xuân Mai thấy rằng: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chế biến xuất nhập khẩu thủy sản Trâm Vạn Ngân, nay là công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ chế biến xuất nhập khẩu thủy sản Nam Thiên Lý có trụ sở chính tại địa chỉ ấp 7 xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau còn nợ tiền mua tôm của chị Trần Thị L số tiền 838.406.685 đồng. Điều này được thể hiện tại bảng đối chiếu

công nợ ngày 15/11/2014, biên bản thỏa thuận trả nợ ngày 04/12/2014. Hiện nay Công ty không còn hoạt động và không có trụ sở tại ấp 7, xã Thới Bình, huyện Thới Bình.

[2] Xét thấy về nghĩa vụ trả tiền cho chị L: Tại bản cam kết ngày 22/9/2014 (Bút lục 114) của anh Trần Văn C2 có nội dung: “... Là chủ DNTN Trâm Vạn Ngân cam kết chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn... ”.

Tại biên bản ghi lời khai của chị Huỳnh Thị Xuân Mai của cơ quan điều tra (Bút lục 77) như sau: “... Tôi Huỳnh Thị Xuân Mai xin trình bày xu hướng sắp tới thì tôi sẽ cùng công ty Trâm Vạn Ngân sẽ tìm cách thỏa thuận trả tiền cho những người nêu trên.. ”.

Tại biên bản về việc thỏa thuận thanh tiền cho đại lý ngày 04/12/2014 anh C2, chị M và ông Đức đã xác nhận số tiền còn nợ chị L và đồng ý thanh toán cho chị L. Mặc dù, trước đây chị M, ông Đức mua tôm của chị L với danh nghĩa là công ty nhưng kể từ ngày 04/12/2014 thì anh C2, chị M và ông Đức đã đứng ra xác nhận nợ và đồng ý trả nợ cho chị L nhưng án sơ thẩm chỉ buộc chị M, anh C2 có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền mua tôm cho chị L là chưa phù hợp. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của anh C2 và chị M, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Đức cùng chị M, anh C2 liên đới trả tiền mua tôm cho chị L. Nếu sau này ông Đức, anh C2 và chị M có tranh chấp với nhau sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Huỳnh Thị Xuân M và anh Trần Văn C2 không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Trần Văn C2 và chị Huỳnh Thị Xuân M, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 170/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị L - buộc anh Trần Văn C2, chị Huỳnh Thị Xuân M và ông Nguyễn Hữu Đ có trách nhiệm liên đới thanh toán cho chị L tổng số tiền 1.121.159.339đ (Một tỷ một trăm hai mươi một triệu một trăm năm mươi chín nghìn ba trăm ba mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc: 838.406.685đ, nợ lãi: 282.752.654đ.

Kể từ ngày chị Trần Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Văn C2 và chị Huỳnh Thị Xuân Mai và ông Nguyễn Hữu Đ không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hằng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L về việc yêu cầu công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ chế biến xuất nhập khẩu thủy sản Nam Thiên Lý thanh toán nợ cho chị.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị M, anh C2 và ông Đ phải chịu 45.634.000đ (chưa nộp). Chị L không phải chịu án phí, ngày 20/6/2017, chị L đã nộp tạm ứng án phí 22.396.000đ theo biên lai số 0003292 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh C2 và chị M không phải chịu, ngày 04/12/2018 đã dự nộp 300.000 đồng tại lai số 0001693 được hoàn lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Minh Tấn

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Yên

Nguyễn Thành Lập

Hồ Minh Tấn

